

Số: 1741/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Đề án Phát triển công nghiệp  
sản xuất giống vật nuôi đến năm 2030**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Luật Thú y ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2023, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi; Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;*

*Căn cứ Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045;*

*Căn cứ Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch cơ cấu lại ngành Nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án “Phát triển công nghiệp sản xuất giống vật nuôi đến năm 2030” (sau đây viết tắt là Đề án) với các nội dung chính như sau:

### **I. MỤC TIÊU**

#### **1. Mục tiêu chung**

Nâng cao năng lực sản xuất giống vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, giống vật nuôi đặc sản đáp ứng nhu cầu sản xuất chăn nuôi trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu.

#### **2. Mục tiêu cụ thể**

- Xây dựng được ngân hàng giống quốc gia, chính sách hỗ trợ thúc đẩy tiến độ các dự án sản xuất giống mới có quy mô lớn; ưu tiên, khuyến khích các doanh nghiệp có ứng dụng công nghệ lõi, công nghệ sinh học và quản lý giống theo hình tháp trong sản xuất giống.

- Nâng cấp, hiện đại hóa một số trung tâm giống hiện có và tăng cường bảo hộ sở hữu trí tuệ trong ngành giống vật nuôi tạo động lực thu hút đầu tư và thúc đẩy sản xuất giống vật nuôi.

- Đến năm 2030, nước ta có thể chủ động sản xuất được nguồn giống vật nuôi chủ lực cấp bố mẹ và con thương phẩm có năng suất, giảm nhập khẩu các giống vật nuôi chủ lực: đáp ứng tối thiểu 90% nhu cầu giống lợn, 80% nhu cầu giống gà, 100% nhu cầu giống vịt, 70% nhu cầu giống bò thịt. Nhập khẩu các giống vật nuôi cấp cụ kỵ, ông bà, giống thuần có năng suất cao để làm tươi máu và cải tạo năng suất các giống vật nuôi hiện có.

- Tăng cường năng lực cho tối thiểu 6 cơ sở sản xuất giống vật nuôi quy mô công nghiệp; tổ chức chọn lọc, nhân giống và sản xuất giống đồng bộ theo hệ thống cấp giống; áp dụng phương pháp quản lý giống vật nuôi theo mô hình tháp giống gắn mã định danh quốc gia đối với các cơ sở nuôi giữ giống gốc, cơ sở nghiên cứu, cơ sở khảo nghiệm, kiểm định chất lượng giống; nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ sinh học và tiếp thu nhanh các tiến bộ kỹ thuật mới để sản xuất giống và phát triển chăn nuôi.

- Khai thác và phát triển nguồn gen giống vật nuôi bản địa theo hướng sản xuất hàng hóa có hiệu quả gắn với du lịch sinh thái; hỗ trợ xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý cho các giống vật nuôi bản địa chất lượng cao, có lợi thế vùng miền.

- Xây dựng cơ chế, chính sách để tạo động lực thúc đẩy việc xã hội hóa các hoạt động triển khai công nghiệp sản xuất giống vật nuôi.

- Tăng cường năng lực sản xuất giống tại chỗ ở các địa phương.

## **II. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

1. Ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ sinh học, tiếp thu nhanh các tiến bộ mới để sản xuất và quản lý giống vật nuôi

- Hỗ trợ các cơ sở giống áp dụng công nghệ thông tin, công nghệ tự động hóa bằng một phần mềm chuyên dụng cho quản lý dữ liệu giống quốc gia để quản lý thông tin, có khả năng kết nối liên thông giữa các cơ sở giống phục vụ công tác chọn lọc, nhân giống, sản xuất giống cho từng đối tượng vật nuôi chính và công tác quản lý nhà nước về giống vật nuôi, bảo đảm công khai, minh bạch.

- Tất cả các cơ sở sản xuất giống vật nuôi bắt buộc phải áp dụng phần mềm quản lý dữ liệu giống quốc gia, thường xuyên cập nhật thông tin dữ liệu, quản lý giống theo từng cấp giống rõ ràng, gắn mã định danh để phục vụ cho việc truy xuất nguồn gốc trong quản lý giống vật nuôi.

- Áp dụng công nghệ gen vào chọn tạo giống vật nuôi, đẩy nhanh tiến bộ di truyền để công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong công tác tạo dòng, tạo giống, nhân giống và phát triển giống vật nuôi.

- Đầu tư thực hiện công tác chọn tạo giống vật nuôi tại các cơ sở giống do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý, đặc biệt các giống vật nuôi bản địa.

2. Kiểm tra năng suất, khảo nghiệm, kiểm định chất lượng giống vật nuôi

- Hoàn thiện các quy trình kiểm tra năng suất, đánh giá chất lượng con giống (đặc biệt đối với đực giống) bằng các công nghệ tiên tiến phù hợp từng đối tượng vật nuôi và áp dụng thống nhất chung cho các cơ sở giống trên toàn quốc.

- Rà soát và hoàn thiện quy trình khảo nghiệm, kiểm định chất lượng đối với loài giống vật nuôi chủ đạo.

3. Phát triển công nghiệp sản xuất giống vật nuôi với quy mô lớn, đồng bộ

- Tăng cường năng lực một số cơ sở sản xuất giống vật nuôi quy mô công nghiệp theo hướng đối tác công tư.

- Nghiên cứu, cải tạo, tiếp cận các giống vật nuôi có năng suất cao (cấp cụ kỵ, cấp ông bà, giống thuần) để làm tươi máu và nâng cao năng suất đàn giống vật nuôi làm cơ sở cho việc ứng dụng phương pháp chọn giống theo hệ gen.

- Tổng điều tra, rà soát, tuyển chọn một số giống vật nuôi chủ đạo, có giá trị kinh tế cao; xây dựng phần mềm, ước tính giá trị giống, chọn lọc và quản lý tại cơ sở sản xuất giống, cơ sở chăn nuôi theo hình thức 3 cấp đàn hạt nhân - đàn sản xuất - đàn thương phẩm.

4. Khai thác, phát triển nguồn gen giống vật nuôi bản địa theo hướng hàng hóa, xây dựng chỉ dẫn địa lý, thương hiệu theo lợi thế vùng miền gắn với du lịch

- Điều tra, xây dựng bản đồ ngân hàng giống vật nuôi bản địa quốc gia để khai thác và phát triển theo lợi thế, đặc trưng vùng miền; xây dựng chỉ dẫn địa lý, thương hiệu gắn với du lịch sinh thái và nhu cầu thị trường.

- Tập trung phát hiện, phân tích, phục tráng, bảo tồn, khai thác và phát triển có hiệu quả các giống bản địa có nguồn gen quý, các đối tượng vật nuôi đặc thù, lợi thế, cung cấp vật liệu di truyền để nhân giống, lai tạo giống phù hợp với nhu cầu sản xuất theo phân khúc thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Tập trung sản xuất một số giống gia súc, gia cầm gà bản địa phù hợp với nhu cầu phát triển thị trường.

5. Tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật cho các cơ quan quản lý, cơ sở lưu giữ và nhân giống vật nuôi

- Đầu tư xây dựng một số trung tâm nuôi giữ giống vật nuôi quốc gia có cơ sở vật chất đồng bộ, ứng dụng công nghệ cao để thu thập, quản lý thông tin, dữ liệu cho từng đối tượng giống vật nuôi; ứng dụng công nghệ cao trong công tác chọn giống, sản xuất giống, quản lý nguồn gen và chất lượng giống vật nuôi.

- Nâng cấp, tăng cường năng lực và hiện đại hóa cơ sở vật chất của một số đơn vị nuôi giữ giống gốc và phòng thí nghiệm trọng điểm phục vụ công tác chọn lọc giống, khảo nghiệm, kiểm định giống vật nuôi đảm bảo chất lượng hiệu quả.

- Tăng cường xã hội hóa, ứng dụng mã số, mã vạch phục vụ công tác truy xuất nguồn gốc và quản lý chất lượng giống; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp giống vật nuôi theo hình thức đối tác công tư.

- Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho công tác quản lý giống vật nuôi, chuyển giao công nghệ và quản lý trang trại giống vật nuôi.

6. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát chất lượng giống vật nuôi

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách đủ mạnh để ngành chăn nuôi phát triển bền vững và đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Tăng cường năng lực, đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra giống vật nuôi từ trung ương đến địa phương, kiểm soát chặt chẽ về chất lượng giống nhập khẩu và giống vật nuôi lưu thông trong nước.

- Nâng cao vai trò hội, hiệp hội trong công tác kiểm soát, đánh giá chất lượng giống, xác nhận nguồn gốc chất lượng giống vật nuôi.

### **III. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ƯU TIÊN**

1. Nâng cao năng lực sản xuất giống vật nuôi quy mô công nghiệp có khả năng chọn tạo giống có năng suất cao mang thương hiệu Việt Nam.

2. Tổng điều tra xây dựng bản đồ ngân hàng giống vật nuôi bản địa quốc gia để khai thác và phát triển theo lợi thế, đặc trưng vùng miền.

3. Nâng cao năng lực nuôi giữ giống vật nuôi quốc gia đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học phục vụ chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045.

4. Xây dựng và phát triển hệ thống giống bò thịt.

5. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về giống vật nuôi nhằm thúc đẩy phát triển công nghiệp giống vật nuôi.

6. Nâng cao năng lực kiểm tra năng suất, khảo nghiệm, kiểm định giống vật nuôi.

7. Tăng cường năng lực sản xuất giống tại chỗ cho mỗi vùng miền của Việt Nam.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

### **IV. DỰ KIẾN NHU CẦU NGUỒN VỐN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

Huy động đa dạng nguồn vốn và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để triển khai thực hiện.

- Nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm (chi đầu tư phát triển, đầu tư cơ sở hạ tầng, chi thường xuyên) theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành, bảo đảm đúng quy định.

- Kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án, dự án đầu tư công giai đoạn 2023 - 2030 bảo đảm đúng quy định.

- Kinh phí vận động, huy động từ các nhà tài trợ nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước.

- Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định pháp luật.

#### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

##### **1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai thực hiện và chịu trách nhiệm toàn diện về tính khả thi, hiệu quả của Đề án; chủ động lồng ghép các mục tiêu, nội dung của Đề án với các chương trình, đề án,

dự án khác có liên quan không để trùng lặp, chồng chéo với các Đề án, Dự án do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, tổ chức đã và đang triển khai thực hiện.

- Tổ chức hướng dẫn, giám sát, đôn đốc, kiểm tra, sơ kết đánh giá kết quả thực hiện hàng năm, giai đoạn 2023 - 2025, giai đoạn 2026 - 2030 và toàn bộ Đề án. Căn cứ kết quả thực hiện để kịp thời đề xuất, kiến nghị trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh Đề án và các dự án ưu tiên theo từng thời kỳ cho phù hợp với điều kiện thực tiễn.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành rà soát, bổ sung các chính sách có liên quan để làm căn cứ triển khai Đề án, trong đó ưu tiên cho việc xây dựng chính sách đầu tư, khuyến khích và hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao trong chọn tạo và nhân giống vật nuôi cho các cơ sở sản xuất giống vật nuôi; tăng cường năng lực đánh giá, quản lý chất lượng giống cho các cơ quan quản lý chuyên ngành ở trung ương và địa phương.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia về giống vật nuôi phù hợp với thực tiễn sản xuất trong nước và thông lệ quốc tế, khuyến khích sản xuất trong nước.

- Phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện Đề án theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản khác có liên quan.

- Xem xét, quyết định các dự án ưu tiên tại Mục 3 Điều 1 Quyết định đảm bảo hiệu quả, phù hợp với thực tế và đúng quy định pháp luật.

## 2. Bộ Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách trung ương, trên cơ sở đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, cơ quan trung ương, các địa phương liên quan, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền quyết định bố trí kinh phí chi thường xuyên theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn để thực hiện Đề án.

## 3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách trung ương, quy định pháp luật về đầu tư công và ngân sách nhà nước; trên cơ sở đề xuất của các bộ, cơ quan có liên quan, các địa phương, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền quyết định bố trí kinh phí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm cho dự án đầu tư công, trong đó có các dự án để thực hiện các nhiệm vụ thuộc Đề án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương theo quy định của pháp luật.

## 4. Bộ Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các bộ, ngành có liên quan rà soát, điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách có liên quan tới tăng cường năng lực nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ

và tiên bộ kỹ thuật, xã hội hóa nguồn lực cho phát triển khoa học, công nghệ, hỗ trợ ngành chăn nuôi thực hiện Đề án; xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia, công bố tiêu chuẩn quốc gia, ưu tiên hài hoà với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

#### 5. Bộ Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Bộ, ngành có liên quan rà soát, điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách có liên quan tới lĩnh vực giống vật nuôi thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tài nguyên và Môi trường, hỗ trợ ngành chăn nuôi thực hiện Đề án.

#### 6. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Căn cứ nội dung Đề án, điều kiện thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương; chỉ đạo tổ chức xây dựng, trình cấp có thẩm quyền của địa phương phê duyệt kế hoạch và kinh phí triển khai các nội dung của Đề án; trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tập trung bố trí vốn ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm để triển khai các nhiệm vụ, dự án thuộc Đề án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương theo quy định.

- Tổ chức kiểm tra việc thực hiện Đề án tại địa phương, hàng năm tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện Đề án của địa phương gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn tăng cường công tác truyền thông đến toàn thể người dân được biết và phối hợp triển khai hiệu quả các nội dung của Đề án trên phạm vi địa phương.

- Tổ chức sơ kết đánh giá kết quả thực hiện hàng năm, giai đoạn 2023 - 2025, giai đoạn 2026 - 2030 và toàn bộ Đề án gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

#### 7. Tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Đề án

- Chủ động phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các địa phương và các cơ quan liên quan để thực hiện Đề án; huy động nguồn vốn để tham gia các dự án ưu tiên của Đề án.

- Kịp thời phản ánh những tồn tại bất cập đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thực hiện Đề án.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, PTTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ;
- Lưu: VT, NN (2b).







Phụ lục

**DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ƯU TIÊN VÀ DỰ KIẾN NGUỒN VỐN**

**THỰC HIỆN ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP SẢN XUẤT GIỐNG VẬT NUÔI ĐẾN NĂM 2030**

(Kèm theo Quyết định số 1441 /QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên chương trình/dự án	Mục tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến nhu cầu vốn (tỷ đồng)	Thời gian
1	Nâng cao năng lực sản xuất giống vật nuôi quy mô công nghiệp có khả năng chọn tạo giống có năng suất cao mang thương hiệu Việt Nam	Xây dựng được 06 cơ sở sản xuất giống vật nuôi quy mô công nghiệp (3 cơ sở giống lợn có tổng đàn nái cụ kỹ 2.000 - 5.000 con và 3 cơ sở giống gia cầm có tổng đàn 1.000 - 2.000 con dòng thuần và 5.000 - 10.000 con gà ông bà) đủ điều kiện để tổ chức chọn lọc, nhân và sản xuất giống đồng bộ, độ đồng đều cao theo hệ thống cấp giống, áp dụng phương pháp quản lý giống mô hình tháp giống gắn với mã định danh quốc gia. Các cơ sở cùng áp dụng một phần mềm quản lý thông tin, dữ liệu có khả năng ước tính giá trị giống bằng phương pháp BLUP và chia sẻ nguồn gen khi cần thiết.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ	600	2023 - 2030
					200	2023 - 2025
					400	2026 - 2030

STT	Tên chương trình/dự án	Mục tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến nhu cầu vốn (tỷ đồng)	Thời gian
2	Tổng điều tra xây dựng bản đồ ngân hàng giống vật nuôi bản địa quốc gia để khai thác và phát triển theo lợi thế, đặc trưng vùng miền	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thu thập, xây dựng được bản đồ ngân hàng giống vật nuôi bản địa quốc gia ở tất cả các địa phương trên toàn quốc.</li> <li>- Phục tráng, nuôi giữ để khai thác và phát triển theo lợi thế, đặc trưng vùng miền để xây dựng chỉ dẫn đại lý, thương hiệu phục vụ phát triển du lịch và nhu cầu thị trường.</li> <li>- Xây dựng được mã định danh quốc gia cho các cơ sở sản xuất giống và quản lý giống bằng công nghệ thông tin.</li> </ul>	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ	80	2023 - 2030
					25	2023 - 2025
					55	2026 - 2030
3	Nâng cao năng lực nuôi giữ giống vật nuôi quốc gia đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học phục vụ chiến lược phát triển chăn nuôi gia đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng được 3 trung tâm nuôi giữ giống vật nuôi quốc gia tại những khu vực đảm bảo cách ly, an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh đồng bộ về cơ sở vật chất, phần mềm ICT (Công nghệ thông tin truyền thông) để thu thập, quản lý thông tin, dữ liệu giống cho từng đối tượng vật nuôi, sử dụng BLUP và công nghệ chọn giống theo hệ gen, có thể liên thông và chia sẻ với các cơ sở giống trong cả nước.</li> <li>- Nâng cấp, hiện đại hóa được cơ sở vật chất của 12 đơn vị nuôi giữ giống gốc (lợn, gia cầm, trâu bò) của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</li> <li>- Xây dựng được mã định danh quốc gia cho các cơ sở sản xuất giống được xây dựng mới và các cơ sở được nâng cấp.</li> </ul>	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ	300	2023 - 2030
					100	2023 - 2025
					200	2026 - 2030

STT	Tên chương trình/dự án	Mục tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến nhu cầu vốn (tỷ đồng)	Thời gian
4	Xây dựng và phát triển hệ thống giống bò thịt.	- Xây dựng và phát triển được hệ thống giống bò thịt quản lý theo mô hình hình tháp ba cấp (hạt nhân, sản xuất và thương phẩm).	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Bộ Tài chính, Bộ Tư Pháp	300	2023 - 2030
		- Áp dụng được trong tất cả các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất giống bò thịt tại các địa phương phát triển chăn nuôi bò thịt trên toàn quốc. Chọn lọc, nhân thuần được các giống bò Zebu làm cái nền			90	2023 - 2025
		- Lai tạo, phát triển được giống bò thịt lai của Việt Nam có tỷ lệ từ 75% máu ngoại trở lên thông qua sử dụng tinh của các giống bò thịt cao sản khác nhau thụ tinh nhân tạo cho bò cái nền lai Zebu phù hợp từng vùng sinh thái.			210	2026 - 2030
		- Xây dựng được mã định danh quốc gia cho các cơ sở sản xuất giống, quản lý giống bằng công nghệ thông tin.				
5	Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về giống vật nuôi nhằm thúc đẩy phát triển công nghiệp giống vật nuôi	- Đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ cho tất cả cán bộ có vị trí việc làm liên quan đến công tác quản lý giống vật nuôi từ trung ương đến địa phương	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư	450	2023 - 2030
		- Xây dựng được 03 trung tâm kiểm tra năng suất cá thể vật nuôi cho 3 miền.			180	2023 - 2025
		- Xây dựng được sàn đấu giá đực giống vật nuôi.			270	2026 - 2030

STT	Tên chương trình/dự án	Mục tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến nhu cầu vốn (tỷ đồng)	Thời gian
6	Nâng cao năng lực kiểm tra năng suất, khảo nghiệm, kiểm định giống vật nuôi	<p>- Xây dựng mới và hoàn thiện các quy trình khảo nghiệm, kiểm định chất lượng đối với từng giống vật nuôi, quy trình kiểm tra năng suất, đánh giá chất lượng con giống (đặc biệt đối với đực giống).</p> <p>- Xây dựng 2 cơ sở phục vụ khảo nghiệm, kiểm định giống vật nuôi. Áp dụng công nghệ cao để kiểm tra, đánh giá, khảo nghiệm, kiểm định chất lượng giống giống vật nuôi.</p>	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Bộ Khoa học công nghệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, và Bộ Tài chính	150	2023 - 2030
					70	2023 - 2025
					80	2026 - 2030
7	Tăng cường năng lực sản xuất giống tại chỗ cho mỗi vùng miền của Việt Nam	Xây dựng được 7 trung tâm sản xuất giống vật nuôi cho 7 vùng.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Bộ Khoa học công nghệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, và Bộ Tài chính	420	2023 - 2030
					170	2023 - 2025
					250	2026 - 2030